

Bản án số: 268 /2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 9 -2022

“V/v Chia tài chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TÙNG**

2. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà **MAI THỊ ÚT**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn Bé T**, sinh năm 1980
Nơi thường trú: ấp R, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.
Nơi tạm trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1962
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị H, anh T có mặt; bà V xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:
Chị và anh Võ Văn Bé T đã ly hôn theo bản án số 103/2021/ HNGĐ-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện C nhưng chưa yêu cầu chia tài sản do thời điểm đó anh T đồng ý để vợ chồng tự thỏa thuận. Tài sản chung của anh chị gồm: 01 căn nhà ấp 4 ngang khoảng 7,5m, chiều dài khoảng 14m, nền gạch, Tờng gạch

lót, mái tole do vợ chồng xây dựng năm 2015 trên phần đất của mẹ ruột chị; 01 chiếc xe máy Exciter biển số 63B1- 971.98 do cháu chị Lê Hồng Q đứng tên. Hiện chiếc xe do anh T quản lý, sử dụng. Chị yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung, chị yêu cầu nhận bằng hiện vật và thối trả lại giá trị cho anh T. Giá trị tài sản ước định là 120.000.000đồng.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu: Không yêu cầu chia chiếc xe exciter, biển số 63B1- 971.98. Chỉ yêu cầu chia đôi căn nhà, chị sẽ nhận nhà và thối lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà cho anh T theo giá của Hội đồng định giá. Đối với công trình phụ trên đất như hàng rào, cổng rào, sân xi măng chị xác định không có yêu cầu chia.

- **Tại tờ tự khai bị đơn anh Võ Văn Bé T trình bày:** Về tài sản chung gồm căn nhà cấp 4 và chiếc xe biển số 63B1- 971.98 do Nguyễn Hồng Q đứng tên giấy đăng ký xe. Anh đồng ý chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung nhưng chị H xác định chia cho anh 60.000.000đồng, anh không đồng ý. Lý do giá trị căn nhà là 600.000.000đồng, chiếc xe là 48.000.000đồng.

Tại phiên tòa, anh T đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà như yêu cầu chị H. Tuy nhiên, anh chỉ đồng ý chia tài sản khi chị H thối trả anh 54.000.000đồng mà anh bỏ ra trả ngân hàng trong thời gian vợ chồng không sống chung và phải chia luôn công trình phụ trên đất.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:** Căn nhà mà chị H, anh T tranh chấp được cất trên phần đất của bà. Căn nhà do vợ chồng chị H tạo lập nên vợ chồng chia bà không có ý kiến, ai nhận căn nhà cũng được.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình, điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị H đối với yêu cầu chia chiếc xe máy biển số 63B1- 0971.98 và chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện anh Võ Văn Bé T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng anh chị trong thời kỳ hôn nhân chưa được chia khi ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” theo qui định tại khoản 2, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có nơi cư trú và tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải

quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Vàng có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do tuổi cao. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà.

[1.4] Về sự thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H Không yêu cầu chia chiếc xe Exciter, biển số 63B1-971.98. Chỉ yêu cầu chia căn nhà, chị sẽ thôi lại anh T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn Bé T kết hôn năm 2010, trong quá trình chung sống anh chị có tạo lập được 01 căn nhà cấp 4, căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 1913, tờ bản đồ HCC5, diện tích 869m² tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị V đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất căn nhà trên là do vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn Bé T xây dựng. Anh chị cùng thống nhất chia đôi tài sản trên, anh T cũng đồng ý nhận giá trị và giao căn nhà cho chị H sử dụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị H và anh T.

Về tỉ lệ chia: Xét thấy, cả anh chị đều có công sức như nhau trong việc tạo lập ra căn nhà, đồng thời anh chị cũng thống nhất chia đôi, chị H sẽ nhận căn nhà và thôi lại giá trị cho anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị H sẽ nhận căn nhà và có nghĩa vụ thôi lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là phù hợp điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo biên bản định giá ngày 01/6/2022, thì căn nhà có kết cấu: cột, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ quy cách, mái tole trần nhựa, nền gạch Ceramic(60 x 60) có khu phụ, diện tích 158,66m². Trị giá là 422.575.044 đồng. Phần dán gạch diện tích 123,75m², trị giá là 15.295.500 đồng

Tổng cộng căn nhà có giá trị là 437.870.544 đồng. Như vậy mỗi người hưởng phần tài sản Tương đương 218.935.272 đồng.

Đối với công trình phụ trên đất như Tờng rào, cổng rào, sân xi măng được anh chị xác định làm sau khi xây căn nhà. Phía chị H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đồng thời, tại phiên tòa anh T yêu cầu chị H phải trả anh 54.000.000đồng mà anh bỏ ra trả ngân hàng trong thời gian vợ chồng không sống chung. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này. Nếu anh có tranh chấp có quyền làm đơn khởi kiện bằng 01 vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được chia theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Về chi phí tố tụng: Anh T phải trả lại chị H $\frac{1}{2}$ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá theo qui định tại điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 157, 165, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 28, 29, 33, 38, 39, 40, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với yêu cầu chia chiếc xe mô tô Exciter biển số 63B1- 971.98.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị H.

Chia cho chị Nguyễn Thị H $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 218.935.272 đồng. Giao cho chị Nguyễn Thị H căn nhà diện tích 158,66m² có kết cấu: cột, kèo bê tông cốt thép, đòn tay gỗ quy cách, mái tole trần nhựa, nền gạch Ceramic(60 x 60) có khu phụ, diện tích 158,66m² được xây dựng trên thửa đất số 1913, tờ bản đồ HCC5, diện tích 869m² tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị Vàng đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất.

Chia anh Võ Văn Bé T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà 218.935.272 đồng. Chị Nguyễn Thị H phải thối chia cho anh Võ Văn Bé T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 218.935.272 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 10.947.000 đồng(làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009453 ngày 15/3/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp thêm 9.447.000 đồng.

3.2. Anh Võ Văn Bé T phải chịu 10.947.000 đồng(làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chi phí tố tụng: Anh Võ Văn Bé T phải trả lại chị Nguyễn Thị H 750.000 đồng chi phí thẩm định, định giá.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự Tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH